

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày 02/8/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2017/HSST ngày 10 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Lương Quang C, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lương Văn T và bà Nguyễn Thị T; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Hiện bị can đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Lương Văn H, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lương Văn K, sinh 1967. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương

3. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985. Vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Điều ĐKHK tại: Đội 2, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Anh Lương Văn H, chị T, anh Vũ Văn H, chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng ngày 04/4/2017, Lương Quang C đến trang trại của gia đình ông Lương Văn K, sinh năm 1967, HKTT: Thôn A, xã A, huyện K, Hải Dương chơi (K là anh họ của C). Sau đó anh Lương Văn H (con trai anh K) nói với C “Chú ở đây trông đằm, có việc gì thì làm giúp gia đình cháu”, C đồng ý. Cho đến sáng ngày 14/4/2017, thấy anh H không có ở trang trại C quan sát phát hiện bên trong 01 chiếc hộp đựng khẩu trang đặt trên chiếc loa Tivi có 01 dây chuyền bạc màu trắng ở hai đầu dây được khóa bằng thanh kim loại uốn hình chữ S của anh H nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài. Ngay lúc đó, C lấy 01 dây chuyền trên cất giấu vào túi quần phải đang mặc trên người. Đến tối cùng ngày, C mang 01 dây chuyền của anh H đến cửa hàng vàng bạc T, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện K gặp chị Trần Thị T, sinh năm 1972 (chủ cửa hàng), C nói với chị T “Cô ơi cho cháu bán dây chuyền bạc”, chị T xem và cân rồi nói “dây chuyền bạc theo giá thị trường là 800.000đồng”. C đồng ý bán, sau đó đã tiêu hết số tiền trên.

Đến khoảng 20 giờ ngày 16/4/2017, lợi dụng lúc anh H không có ở trang trại, C tiếp tục quan sát phát hiện 01 chiếc Ipad 4 - 16GB màu đen trắng của anh H để ở trên giường ngủ. C lấy chiếc 01 Ipad 4 - 16GB màu đen trắng trên bỏ vào trong ba lô đựng quần áo của C. Sau đó C mang chiếc ba lô trên đi sang Thị trấn P, huyện K1, Hải Dương chơi điện tử. Đến khoảng hơn 9 giờ ngày 17/4/2017, C cầm chiếc Ipad 4 của anh H vào cửa hàng Q, địa chỉ: số 40, đường T, thị trấn P, huyện K1, Hải Dương, C gặp anh Vũ Văn H, sinh năm 1985 và chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987, HKTT: xã K, huyện K1 là chủ quán ở đó. C nói với anh H “Anh mở giúp em mật khẩu máy”, anh H hỏi tài khoản icloud thì C nói “tài khoản icloud là của bạn em, em quên rồi”, anh H nói “không có tài khoản icloud thì không sử dụng được máy”. C nói “Vậy cho em bán chiếc ipad này”. Anh H cầm chiếc ipad xem và nói “Chiếc ipad này anh chỉ mua được với giá 1.000.000 đồng”. C đồng ý bán chiếc ipad cho anh H với giá 1.000.000 đồng, sau đó C tiêu hết 403.000 đồng. Ngày 18/4/2017 anh H làm đơn trình báo sự việc trên đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Kinh Môn.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kinh Môn ngày 21/04/2017 kết luận: 01 dây chuyền bạc, có trọng lượng thực tế 21,8 chỉ trị giá 1.090.000 đồng; 01 chiếc Ipad 4 - 16GB màu đen trắng trị giá

3.900.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 4.990.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Vào các ngày 18, 20, 26/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã quản lý 01 dây chuyền bạc màu trắng ở hai đầu dây được khóa bằng thanh kim loại uốn hình chữ S do chị T giao nộp; 01 chiếc ipad 4 màu đen trắng do anh H giao nộp; số tiền 597.000đồng và 01 chiếc ba lô vải màu đen do C giao nộp. Ngày 28/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã trả lại cho anh H 01 dây chuyền và 01 chiếc ipad 4 có đặc điểm như nêu trên. Sau khi nhận lại tài sản Lương Văn H, chị T, anh Vũ Văn H, chị H không yêu cầu C phải bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra, Lương Quang C đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng vật chứng thu giữ được và các chứng cứ do Cơ quan CSĐT Công an huyện Kinh Môn thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 48/VKS-HS ngày 07 tháng 7 năm 2017, VKSND huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Lương Quang C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, người bị hại anh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị T, anh H, chị H) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, không yêu cầu C phải bồi thường thiệt hại. Anh H, chị T đều đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Chị T cho bị cáo số tiền 800.000đ; anh H, chị H cho bị cáo số tiền 1.000.000đ và đề nghị Tòa án xem xét về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Ông K không có ý kiến đề nghị gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Quang C vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và tự nguyện đề nghị sung quỹ nhà nước số tiền 597.000đ, chiếc ba lô của C đề nghị tịch thu cho tiêu hủy. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Quang C từ 09 đến 12 tháng tù. Ngoài ra quan điểm của đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Quang C đều đã khai nhận rõ về hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 14/4/2017, tại thôn A, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương, Lương Quang C có hành vi trộm cắp của anh Lương Văn H 01 dây chuyền bạc trị giá 1.090.000đ; tiếp đến khoảng 20 giờ ngày 16/4/2017 cũng tại địa điểm trên lợi dụng sơ hở C tiếp tục có hành vi trộm cắp của anh Lương Văn H 01 chiếc Ipad 4-16GB màu đen trắng trị giá 3.900.000đ. Tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt của anh H là 4.990.000đ. Do vậy, VKSND huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Lương Quang C về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội nói chung và tại địa bàn xã A nói riêng. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, nhằm thỏa mãn việc tiêu sài cá nhân, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả của bị cáo đã gây ra. Song cũng nên xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS “người bị hại xin” đối với bị cáo là phù hợp. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không. Song xét tính chất, mức độ, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nên cho dù có xem xét chiếc cổ cũng cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định mới đủ đảm bảo giúp bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định song xét bị cáo lao động tự do không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 28/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã trả lại cho anh H 01 dây chuyền bạc và 01 chiếc ipad 4 có đặc điểm như nêu trên. Sau khi nhận lại tài sản anh H không yêu cầu C phải bồi thường dân sự. Số tiền 800.000đ của chị T; 1.000.000đ của anh H, chị H cũng không có yêu cầu bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại, đều cùng đồng ý cho bị cáo nên không đặt ra việc hoàn trả cho chị T, anh H, chị H là phù hợp.

Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kinh Môn đã quản lý số tiền 597.000đồng và 01 chiếc ba lô vải màu đen do C giao nộp. Tại phiên tòa hôm nay C xác định số tiền thu lời bất chính do phạm tội mà có, đối với chị T là 800.000đ và đối với anh H, chị H là 1.000.000đ. Nay chị T, anh H, chị H cho bị cáo, thì số tiền 800.000đ của chị T, C đã tiêu sài hết; số tiền 1.000.000đ của anh H, chị H, C đã tiêu sài hết 403.000đ, số tiền 597.000đ còn lại C đã nộp cho Cơ quan điều tra – Công an huyện Kinh Môn. Nay C không yêu cầu được nhận lại số tiền 597.000đ, đề nghị sung quỹ Nhà nước, cũng như chiếc ba lô của C có giá trị sử dụng không lớn, C đề nghị tịch thu cho tiêu hủy. Xét yêu cầu của C là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Quang C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lương Quang C 07 tháng tù, thời hạn được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; khoản 1 và điểm c, đ khoản 2 điều 76 BLTTHS.

- Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 597.000đ. Tuyên tịch thu cho hủy bỏ chiếc ba lô có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2017 tại Chi cục thi hành dân sự huyện Kinh Môn.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo; Vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tòa án báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; người có nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

